TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:66/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2019
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa
Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung''. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57A/2019/QĐ - ST ngày 23/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐ-ST ngày 10/6/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Tô Văn T, sinh ngày 20/9/1989

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh ngày 03/11/1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện ở: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Tô Văn T trình bầy: Anh và chị L tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 02/3/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 1 năm, sau khi sinh con một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mỗi lần chị L về bên ngoại chơi lại muốn anh thực hiện theo cách sống bên ngoại, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh đã nói chuyện, phân tích nhưng chị L không rút kinh nghiệm. Tháng 6/2014 chị L xin phép bế con về gia đình bên ngoại chơi rồi ở luôn không về gia đình

chồng. Sau đó chị L đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung : Vợ chồng có 1 con chung là cháu Tô Ngọc A, sinh ngày 07/3/2013, hiện cháu A đang ở với ông bà ngoại. Ly hôn quan điểm của anh để ổn định cuộc sống của cháu A anh đồng ý để con chung cho chị L nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L không có nhà cháu A ở với ông bà ngoại.Nếu sau này chị L không nuôi con anh sẽ làm thủ tục thay đổi nuôi con sau.

Về tài sản chung, nợ chung : Vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị L đang lao động tại Đài Loan, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã về xác minh tại gia đình chị L, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chị của chị L ở Đài Loan. Ông Vũ Đình B là bố đẻ chị L xác định ông không biết địa chỉ của chị L nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên thực tế chị L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại nên ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo lại cho chị L. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông B xác định đã thông tin cho chị L biết, chị L có quan điểm đồng ý ly hôn với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung chị L có nguyện vọng được nuôi con chung Tô Ngọc A, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam ông đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Linh giúp chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T được ly hôn chị L; về con chung: giao cháu Tô Ngọc A cho chị L nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị L không có mặt ở Việt Nam, giao cháu A cho ông Vũ Đình B chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị L lao động tại Đài Loan. Theo hướng dẫn công văn

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án hai lần yêu cầu gia đình chị L cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh T chị L đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tô Văn T và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2012 tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm, đến khi sinh con vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do lối sống, quan điểm của hai gia đình ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng, cả hai đã tìm cách khắc phục nhưng không được. Tháng 6/2014 chị L đưa con về bên ngoại chơi và ở lại không về chung sống cùng với anh T. Sau đó chị L đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị L. Chị L được gia đình thông báo và cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- *Về con chung:* Anh Tô Văn T và chị Vũ Thị L có 01 con chung là Tô Ngọc A, sinh ngày 07/3/2013 hiện cháu đang ở với ông bà ngoại là ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị C. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con. Anh T có quan điểm do thực tế hiện nay anh đi làm ăn xa nên không có điều kiện chăm sóc cho cháu A. Do vậy anh đồng ý để chị L nuôi dưỡng cháu và đồng ý về việc chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy thực tế cháu A đã ở với chị L và ông bà ngoại từ nhỏ. Anh T do công việc làm ăn xa nên cũng không có điều kiện chăm sóc cho cháu A. Do vậy để ổn định cuộc sống cho cháu cần giao cháu A cho chị L nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam sẽ tạm giao cháu A cho ông B, bà C chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[3].Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tô Văn T được ly hôn chị Vũ Thị L.

2.Về con chung: Tiếp tục giao con chung Tô Ngọc Linh, sinh ngày 07/3/2013 cho chị Vũ Thị L nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị L không ở Việt Nam giao cháu Linh cho ông Vũ Đình B và bà Nguyễn Thị C chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Tô Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006100 ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Tô Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền